

# HĐTL VN30 - KIỂM NGHIỆM VÙNG CẢN GẦN 1.525 - 1.528 ĐIỂM



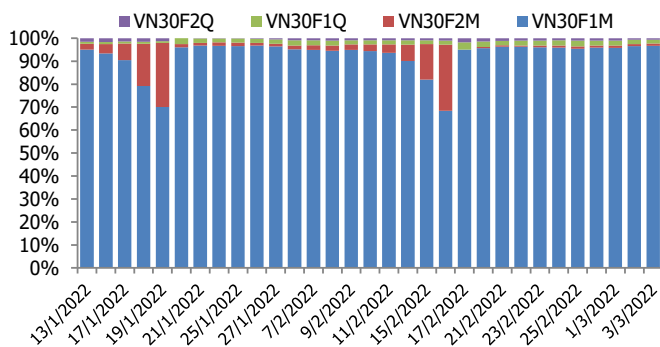
## BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



## THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

MÃ	Ngày đáo hạn	Số ngày	Đóng cửa	OI
VN30F2203	17/3/2022	14	1517.50	34,518
VN30F2204	21/4/2022	49	1514.70	338
VN30F2206	16/6/2022	105	1508.00	601
VN30F2209	15/9/2022	196	1510.00	230

## TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỜ GIỮA CÁC KỲ HẠN



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Các chỉ số bất ngờ tăng mạnh trong những phút cuối phiên, cả 4 hợp đồng đóng cửa với mức tăng từ 12,4 đến 15,5 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 23,88 điểm. Do đó, basis của các HĐTL suy giảm so với phiên trước đó. Cụ thể, basis của VN30F2203 giảm xuống -4,99 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2204 cũng giảm xuống -7,79 điểm vào cuối phiên giao dịch. Tổng thanh khoản thị trường phiên này giảm so với phiên liền trước, đạt 135.554 hợp đồng được khớp lệnh. Khối ngoại mua ròng HĐTL tháng 03 với 1.547 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 5.290 hợp đồng.
- Thị trường cơ sở bật tăng mạnh mẽ và dòng tiền có sự lan tỏa rộng khắp các nhóm ngành dù đà tăng phiên này chủ yếu là do sức mạnh nội tại từ nhà đầu tư trong nước. Thanh khoản thị trường liên tục tăng kể từ đầu tuần, tuy nhiên dòng tiền chủ yếu hoạt động sôi nổi ở nhóm cổ vừa và nhỏ, đặc biệt là nhóm cổ phiếu đầu cơ. Chúng tôi cho rằng, việc thị trường lấy lại ngưỡng tâm lý 1.500 điểm sẽ thu hút được dòng tiền mới vào thị trường trong những phiên sắp tới. Về kỹ thuật, phiên tăng điểm này không chỉ giúp VN-Index vượt qua lại đường MA50 đã bị mất hôm qua, mà còn đóng cửa trên đường MA20.
- Hoạt động trading trong phiên nên được ưu tiên so với các giao dịch nắm giữ qua đêm khi thị trường vẫn đang rung lắc mạnh đồng thời xu hướng của VN30FM cần có thêm sự xác nhận. Quán tính hồi phục có thể duy trì vào đầu phiên giao dịch (04/03) và tạo cơ hội cho bên Long trong ngắn hạn. Mặc dù vậy, phiên tăng hôm nay chưa thuyết phục và để xác nhận được đà tăng thì hợp đồng VN30F1M cần phải quay trở lại vùng 1525 điểm với thanh khoản lớn. Do đó, bên Long có thể canh chốt lời khi chỉ số tiệm cận ngưỡng kháng cự mạnh 1525-1528 điểm và quản trị rủi ro nếu giá thủng mốc 1511 điểm. Hoạt động Short được kích hoạt tại các ngưỡng kháng cự tiềm năng 1525; 1528 và 1535 điểm.

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

### Chiến lược giao dịch trong ngày

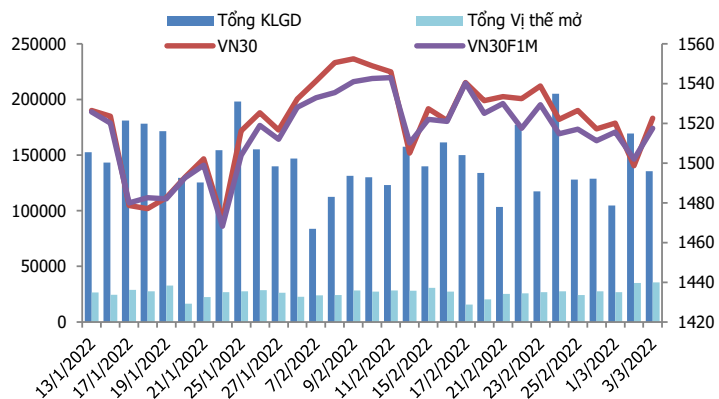
Nhà đầu tư nên quan sát mở lệnh mua mới khi giá điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1512-1515 điểm và quản trị rủi ro nếu giá thủng mốc 1511 điểm, giá mục tiêu là vùng kháng cự mạnh 1525- 1528 điểm.

### Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Quan sát phản ứng trong những phiên giao dịch tới, chờ đợi nền giá hoặc mẫu hình giá ổn định hơn để đưa ra quyết định phù hợp.

### Chiến lược giao dịch spread

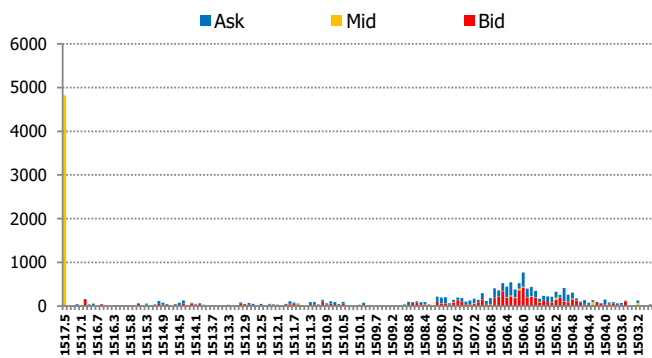
Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



**DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN**

Hợp đồng	Giá	% Chg	KLGD	% Chg	OI	% Chg
VN30F2203	1517.5	1.03	135,199	-19.9	34,518	1.9
VN30F2204	1514.7	0.87	258	-42.3	338	0.3
VN30F2206	1508.0	0.83	56	-49.1	601	-4.3
VN30F2209	1510.0	0.90	41	-61.3	230	-9.8
<b>Tổng</b>			135,554	-20.0	35,687	1.7

**THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M**



**NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL**

- Các chỉ số bất ngờ tăng mạnh trong những phút cuối phiên, cả 4 hợp đồng đóng cửa với mức tăng từ 12,4 đến 15,5 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 23,88 điểm.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm 19,97% so với phiên liền trước, đạt 135.554 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 03 với 135.199 hợp đồng. Khối ngoại quay trở lại mua ròng HĐTL tháng 03 với 1.547 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 5.290 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2203 là 1.523,24 điểm (cao hơn 5,74 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2204 là 1.525,13 điểm (+10,43 điểm), VN30F2206 là 1.528,16 điểm (+20,16 điểm) và VN30F2209 là 1.533,09 điểm (+23,09 điểm).

**XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M**

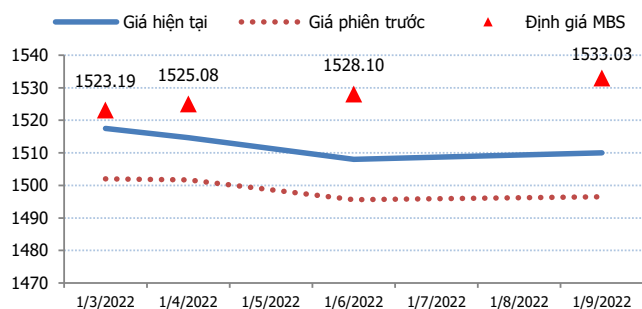
Khung thời gian	15m	1h	Daily
<b>Tổng kết</b>	<b>BUY</b>	<b>NEUTRAL</b>	<b>BUY</b>
<b>Hỗ trợ</b>	<b>1512-1515</b>	<b>1505-1508</b>	<b>1486-1492</b>
<b>Kháng cự</b>	<b>1525-1528</b>	<b>1536-1539</b>	<b>1560-1569</b>

**ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M**



Spread HĐTL	Hiện tại	Phiên trước	+/-	MA5
<b>VN30F2M - VN30F1M</b>	-2.8	-0.30	-2.5	-2.06
<b>VN30F1Q - VN30F1M</b>	-9.5	-6.40	-3.1	-8.34
<b>VN30F1Q - VN30F2M</b>	-6.7	-6.10	-0.6	-6.28
<b>VN30F2Q - VN30F1M</b>	-7.5	-5.50	-2	-7.64
<b>VN30F2Q - VN30F2M</b>	-4.7	-5.20	0.5	-5.58
<b>VN30F2Q - VN30F1Q</b>	2	0.90	1.1	0.7

**ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN**



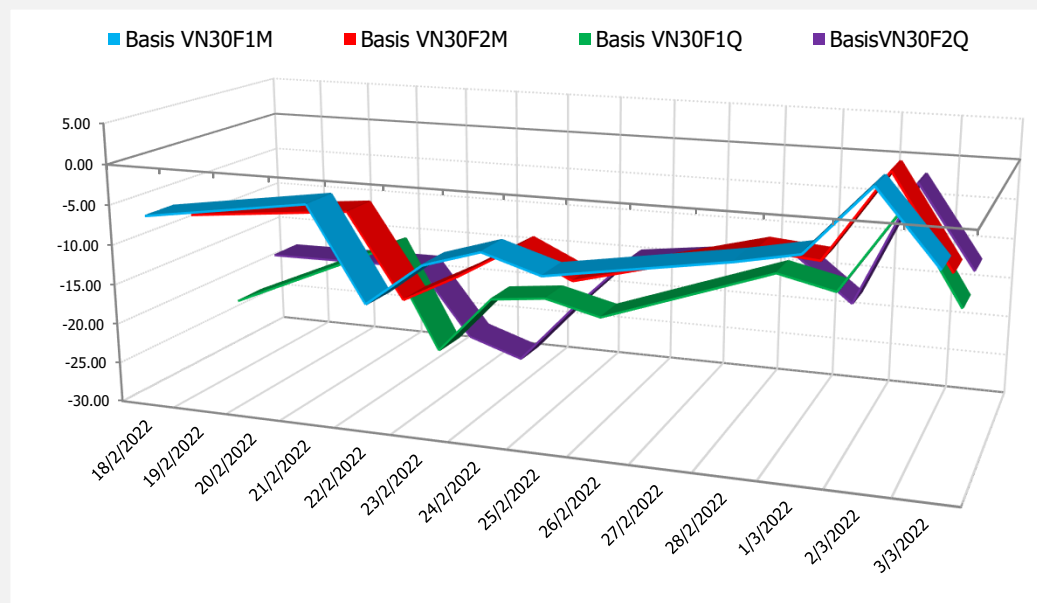
**DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M**



**NHẬN ĐỊNH CHÈNH LỆCH GIÁ HĐTL**

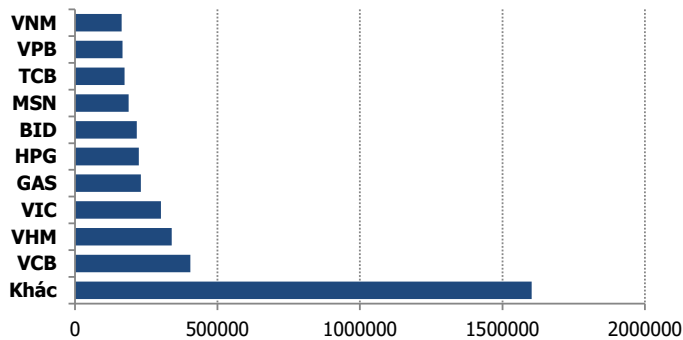
- Các chỉ số bất ngờ tăng mạnh trong những phút cuối phiên, cả 4 hợp đồng đóng cửa với mức tăng từ 12,4 đến 15,5 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 23,88 điểm. Do đó, basis của các HĐTL suy giảm so với phiên trước đó. Cụ thể, basis của VN30F2203 giảm xuống -4,99 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2204 cũng giảm xuống -7,79 điểm vào cuối phiên giao dịch.
- Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng giảm, hiện nằm trong khoảng -9,5 điểm đến 2 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2203-VN30F2202) giảm đi 2,5 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

**DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL**

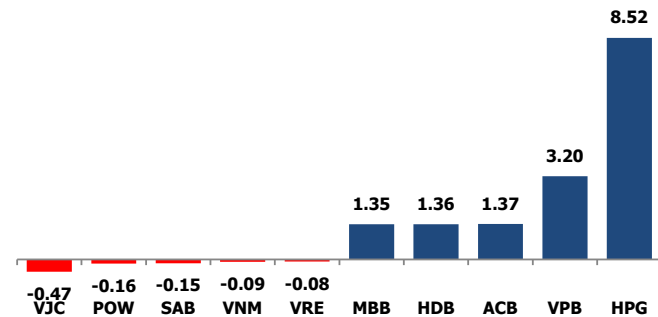


	VNIndex	VN30
Đóng cửa	1505	1522.49
Thay đổi	19.48	23.88
%Chg	1.31	1.59
YTD	0.45	-0.86
Vốn hóa (ngh.tỷ đồng)	5,950.15	4,012.43
P/E	17.15	13.97
P/B	2.65	2.71

**TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30**



**CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX**



**NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30**

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nhân tố đưa các chỉ số chính quay trở lại đà tăng điểm. Số mã tăng điểm (24) áp đảo hoàn toàn so với số mã giảm điểm (5) và 1 mã đứng tham chiếu. HPG và VPB trở thành hai trụ đỡ góp tích cực nhất tới đà tăng của VN30-Index với mức đóng góp lần lượt là +8,52 điểm và +3,20 điểm; ngoài ra ACB, HDB hay MBB cũng là những bluechips tăng điểm và kéo chỉ số VNI đóng cửa trên mốc tham chiếu.

Chốt phiên, chỉ số VN30 tăng 23,88 điểm (+1,59%) lên 1.522,49 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 251,21 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị 11.280 tỷ đồng.

Khối ngoại quay trở lại mua ròng với 589,75 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực mua tập trung ở các mã như DGC (+87 tỷ đồng), DCM (+67 tỷ đồng), HPG (+64 tỷ đồng), STB (+63 tỷ đồng), KBC (+55 tỷ đồng).

**ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30**



Chỉ số	Điểm số	%Chg	P/E	YTD
<b>VNIndex</b>	1,505.00	1.31	17.15	0.45
<b>Dow Jones</b>	33,794.66	(0.29)	17.91	(7.00)
<b>S&amp;P500</b>	4,363.49	(0.53)	22.38	(8.45)
<b>Nikkei 225</b>	25,951.74	(2.35)	14.85	(9.86)
<b>Shanghai</b>	3,481.11	(0.09)	14.92	(4.36)
<b>DAX</b>	13,698.40	(2.16)	12.28	(13.76)
<b>Vàng</b>	1,943.78	0.40		6.26
<b>Dầu WTI</b>	112.46	4.45		49.53

**LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI**

	Kỳ trước	Dự báo	Thực tế
<b>Thứ Hai - 28/03/2022</b>			
Úc - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng) (Tháng 1)	-4.4%	0.4%	1.8%
<b>Thứ Ba - 01/03/2022</b>			
Trung Quốc - Chỉ số PMI sản xuất (Tháng 2)	50.1	49.9	50.2
Trung Quốc - Chỉ số PMI sản xuất của Caixin (Tháng 2)	49.1	49.5	50.4
Úc - Quyết định lãi suất (Tháng 3)	0.10%	0.10%	0.10%
Đức - Chỉ số PMI sản xuất (Tháng 2)	59.8	58.5	58.4
Anh - Chỉ số quản lý thu mua (PMI) - Sản xuất (Tháng 2)	57.3	57.3	58.0
Canada - Tổng GDP (tháng/tháng) (Tháng 12)	0.6%	0.1%	0.0%
Mỹ - Chỉ số PMI sản xuất của ISM (Tháng 2)	57.6	58.0	58.6
<b>Thứ Tư - 02/03/2022</b>			
Úc - Tổng GDP (quý/quý) (Quý 4)	-1.9%	-2.7%	3.4%
Đức - Thay đổi thất nghiệp (Tháng 2)	-48K	-23K	-33K
Châu Âu - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (năm/năm) (Tháng 2)	5.1%	5.3%	5.8%
Mỹ - Thay đổi việc làm phi nông nghiệp ADP (Tháng 2)	509K	378K	475K
Canada - Quyết định lãi suất	0.25%	0.50%	0.50%
Mỹ - Dự trữ dầu thô	4.515M	2.748M	-2.597M
<b>Thứ Năm - 03/03/2022</b>			
Anh - Chỉ số quản lý sức mua hỗn hợp (Tháng 2)	54.2	60.2	59.9
Anh - Chỉ số PMI dịch vụ (Tháng 2)	54.1	60.8	60.5
Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu	233K	226K	215K
Mỹ - Chỉ số PMI phi sản xuất của ISM (Tháng 2)	59.9	61.0	56.5
<b>Thứ Sáu - 04/03/2022</b>			
Úc - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng)	-4.4%		
Anh - PMI xây dựng (Tháng 2)	56.3	54.3	
Mỹ - Bảng lương phi nông nghiệp (Tháng 2)	467K	450K	
Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp (Tháng 2)	4.0%	3.9%	
Canada - Chỉ số PMI Ivey (Tháng 2)	50.7		

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI**

- Chứng khoán Mỹ quay đầu giảm điểm, dẫn đến đà sụt giảm của nhóm cổ phiếu công nghệ, khi động thái trên các thị trường trái phiếu và năng lượng chững lại và nhà đầu tư theo dõi các cuộc chiến ở Ukraine. Đóng cửa, chỉ số Dow Jones rớt 96,69 điểm (-0,29%) xuống 33.794,66 điểm, sau khi ghi nhận sắc xanh trong phần lớn phiên. Chỉ số S&P 500 lùi 0,53% xuống 4.363,49 điểm. Chỉ số Nasdaq Composite mất 1,56% còn 13.537,94 điểm.
- Dầu giảm hơn 2% sau khi giá đạt mức cao nhất trong khoảng một thập kỷ, do hy vọng Mỹ và Iran sẽ sớm đạt được một thỏa thuận hạt nhân có thể bổ sung thêm dầu cho một thị trường đang thiếu hụt. Chốt phiên 3/3, dầu thô Brent giảm 2,47 USD (-2,2%) xuống 110,46 USD/thùng, dầu WTI giảm 2,93 USD (-2,6%) xuống 107,67 USD/thùng.
- Hợp đồng vàng giao ngay tiến 0,4% lên 1.933,31 USD/oz. Hợp đồng vàng tương lai cộng 0,7% lên 1.935,90 USD/oz. Chuyên gia phân tích Suki Cooper của Standard Chartered nhận định: "Vàng chủ yếu dao động theo tình hình chiến sự Nga – Ukraine, nhưng cũng bắt đầu nhen nhóm mối quan hệ của nó với lãi suất thực trước cuộc họp Ủy ban Thị trường Mở Liên bang (FOMC) vào tháng 3/2022".

**NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30**

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 HPG, VPB và ACB là những nhân tố chính giúp chỉ số VN30 tăng điểm trở lại. Trong đó, HPG đóng góp +8,52 điểm cho chỉ số VN30.



**DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30**

Cổ phiếu	Ngành	Tỷ trọng (%)	Giá	%Chg	H-L	GTGD	Điểm tác động	PE	PB
<b>HPG</b>	Metals & Mining	8.76	50,100	6.82	5.92%	3724.161	8.52	7.07	2.66
<b>VPB</b>	Banks	8.28	37,450	2.60	2.60%	744.429	3.20	13.47	2.67
<b>TCB</b>	Banks	8.05	49,650	0.91	1.53%	365.219	1.11	10.00	1.99
<b>VIC</b>	Real Estate Management & Development	5.85	79,000	0.13	2.68%	206.93	0.11	63.30	2.96
<b>VHM</b>	Real Estate Management & Development	5.66	78,000	0.65	1.68%	306.041	0.55	8.78	2.98
<b>ACB</b>	Banks	5.46	33,450	1.67	1.67%	269.91	1.37	9.29	2.13
<b>MSN</b>	Food Products	5.34	159,100	1.34	3.38%	120.127	1.07	78.34	8.73
<b>FPT</b>	Electronic Equipment, Instruments & Components	5.12	93,400	0.32	0.86%	89.478	0.25	21.02	4.99
<b>MBB</b>	Banks	4.89	33,100	1.85	5.38%	970.646	1.35	11.26	2.23
<b>VNM</b>	Food Products	4.66	78,400	-0.13	1.02%	116.838	-0.09	17.38	5.27
<b>MWG</b>	Specialty Retail	4.50	136,500	1.49	2.17%	142.782	1.00	22.27	5.18
<b>STB</b>	Banks	4.05	31,850	1.92	2.57%	622.421	1.16	17.03	1.80
<b>NVL</b>	Real Estate Management & Development	3.75	78,000	2.09	2.36%	228.063	1.17	40.83	4.30
<b>VCB</b>	Banks	3.16	85,500	0.59	0.94%	89.484	0.28	19.15	3.70
<b>HDB</b>	Banks	2.80	28,250	3.29	3.48%	113.692	1.36	10.04	2.04
<b>TPB</b>	Banks	2.80	41,500	0.12	2.80%	191.014	0.05	12.64	2.65
<b>VJC</b>	Airlines	2.76	143,400	-1.10	2.62%	92.202	-0.47	63.15	4.59
<b>SSI</b>	Capital Markets	2.22	45,500	1.56	2.25%	379.29	0.52	20.95	3.31
<b>CTG</b>	Banks	1.67	32,600	1.88	1.72%	210.776	0.47	9.45	1.65
<b>VRE</b>	Real Estate Management & Development	1.65	32,700	-0.30	1.85%	222.469	-0.08	34.29	2.44
<b>KDH</b>	Real Estate Management & Development	1.62	54,600	1.68	1.86%	68.561	0.41	29.41	3.59
<b>PNJ</b>	Textiles, Apparel & Luxury Goods	1.43	104,000	0.58	2.94%	86.531	0.13	24.68	4.25
<b>PDR</b>	Capital Markets	1.23	88,000	0.92	2.18%	432.785	0.17	23.59	6.15
<b>SAB</b>	Food Products	0.84	167,100	-1.12	1.08%	3.98	-0.15	28.40	5.05
<b>GAS</b>	Gas Utilities	0.82	120,700	1.26	2.44%	164.979	0.16	28.18	4.70
<b>POW</b>	Independent Power and Renewable Electricity Produce	0.72	17,200	-1.43	3.22%	324.319	-0.16	13.88	1.33
<b>BID</b>	Banks	0.62	42,800	0.82	2.86%	105.117	0.08	21.98	2.61
<b>PLX</b>	Oil, Gas & Consumable Fuels	0.57	62,800	2.11	3.26%	191.956	0.18	23.70	3.25
<b>GVR</b>	Real Estate Management & Development	0.41	36,300	2.54	1.68%	99.14	0.16	29.17	2.95
<b>BVH</b>	Beverages	0.31	59,000	0.00	2.40%	54.601	0.00	23.86	2.06

STT	Thông tin cơ bản HĐTL VN30	Đặc điểm sản phẩm
1	<b>Mã hợp đồng</b>	VN30F-yy-mm
2	<b>Tài sản cơ sở</b>	Chỉ số cổ phiếu VN30
3	<b>Hệ số nhân hợp đồng</b>	100.000 đồng
4	<b>Quy mô 01 hợp đồng</b>	100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30
5	<b>Tháng đáo hạn</b>	-Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất
6	<b>Phương thức giao dịch</b>	- Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận
7	<b>Thời gian giao dịch</b>	<b>GD Khớp lệnh định kỳ</b> - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45 <b>GD khớp lệnh liên tục</b> - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30 <b>GD Thỏa thuận</b> - 08h45 - 14h45
	<b>Các loại lệnh giao dịch</b>	LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.
	<b>Nguyên tắc khớp lệnh</b>	Ưu tiên giá và thời gian.
10	<b>Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh</b>	01 hợp đồng
11	<b>Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh</b>	500 hợp đồng
12	<b>Đơn vị yết giá/ Bước giá</b>	0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng
13	<b>Biên độ dao động</b>	+/- 7%
14	<b>Ngày giao dịch cuối cùng</b>	Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.
15	<b>Ngày thanh toán cuối cùng</b>	Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.
16	<b>Phương thức thanh toán</b>	Thanh toán bằng tiền
17	<b>Giá thanh toán hàng ngày</b>	Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.
18	<b>Giá thanh toán cuối cùng</b>	Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL.
19	<b>Giá tham chiếu</b>	Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.
20	<b>Mở tài khoản</b>	Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.
21	<b>Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK</b>	NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng
22	<b>Mức ký quỹ ban đầu</b>	Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn.
23	<b>Mức ký quỹ duy trì</b>	Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.
24	<b>Ký quỹ bổ sung</b>	Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch.
25	<b>Thoát khỏi hợp đồng tham gia</b>	Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.

## **TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM**

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

## **MBS HỘI SỞ**

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

[Webiste: www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

Hotline: **1900 9088**

## **KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN**

Trần Hoàng Sơn	Trưởng bộ phận/Kiểm soát	<a href="mailto:son.tranhoang@mbs.com.vn">son.tranhoang@mbs.com.vn</a>
Phạm Văn Quỳnh	Chuyên viên nghiên cứu	<a href="mailto:quynh.phamvan@mbs.com.vn">quynh.phamvan@mbs.com.vn</a>
Đinh Việt Long	Chuyên viên nghiên cứu	<a href="mailto:long.dinhviet@mbs.com.vn">long.dinhviet@mbs.com.vn</a>